

Số: 4561./QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ v/v thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/09/2017 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang ;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên các lớp đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Ông Giám đốc Trung tâm đào tạo và Bồi dưỡng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học chính quy cho 200 sinh viên các ngành, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế (có tên trong danh sách kèm theo).

TT	Ngành tốt nghiệp	Số lượng
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20
2	Công nghệ thực phẩm	01
3	Công nghệ thông tin	01
4	Kỹ thuật xây dựng	10
5	Kế toán	119
6	Nuôi trồng thủy sản	14
7	Ngôn ngữ Anh	26
8	Quản trị kinh doanh	09
Tổng cộng		200

Điều 2. Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT, ĐTBĐ.

HIỆU TRƯỞNG



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Theo Quyết định số 1561/QĐ-ĐHNT ngày 26 tháng 10 năm 2018)

1. Ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	16DT0300	Trần Thanh	Bình	25/03/1975	Thừa Thiên Huế	Khá	NT16CDT
2	16DT0301	Phạm Quốc	Đông	10/04/1994	Phú Yên	Khá	NT16CDT
3	16DT0302	Võ Thành	Được	17/01/1994	Quảng Ngãi	TB Khá	NT16CDT
4	16DT0303	Phan Vũ	Hải	05/07/1986	Ninh Thuận	TB Khá	NT16CDT
5	16DT0306	Nguyễn Thanh	Hưng	21/02/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT16CDT
6	16DT0304	Trần Ngọc	Hòa	03/04/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT16CDT
7	16DT0305	Trần Thị Diệu	Huyền	14/04/1991	Khánh Hòa	Khá	NT16CDT
8	16DT0307	Lê Duy	Khánh	20/09/1990	Nghệ An	TB Khá	NT16CDT
9	16DT0321	Nguyễn Đồng	Minh	01/09/1995	Phú Yên	Khá	NT16CDT
10	16DT0309	Nguyễn Thế	Nhân	17/05/1979	Quảng Nam	Khá	NT16CDT
11	16DT0308	Nguyễn Thành	Nhân	27/07/1990	Khánh Hòa	Khá	NT16CDT
12	16DT0311	Huỳnh Phan	Thụy	05/09/1993	Ninh Thuận	TB Khá	NT16CDT
13	16DT0312	Lê Quốc	Tinh	12/08/1995	Phú Yên	TB Khá	NT16CDT
14	16DT0316	Hồ Kim	Tử	22/03/1994	Khánh Hòa	TB Khá	NT16CDT
15	16DT0313	Lương Minh	Triệu	15/05/1994	Phú Yên	TB Khá	NT16CDT
16	16DT0314	Nguyễn Anh	Tuấn	26/06/1995	Khánh Hòa	TB Khá	NT16CDT
17	16DT0315	Nguyễn Tăng	Tùng	24/12/1988	Khánh Hòa	TB Khá	NT16CDT
18	16DT0319	Trần Hoài	Vũ	10/01/1992	Khánh Hòa	Khá	NT16CDT
19	16DT0318	Nguyễn Đình	Vũ	02/10/1994	Vĩnh Phúc	Khá	NT16CDT
20	16DT0317	Lương Minh	Vũ	15/10/1991	Phú Yên	TB Khá	NT16CDT

Danh sách gồm 20 sinh viên.

2. Ngành: Công nghệ thực phẩm

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	15TP0114	Hoàng Dương	Trực	16/09/1985	Khánh Hòa	Khá	NT15CTP

Danh sách gồm 01 sinh viên.

3. Ngành: Công nghệ thông tin

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	14TH0046	Đậu Duy	Hường	01/10/1988	Hà Tĩnh	Trung bình	NT14CTH1

Danh sách gồm 01 sinh viên.

4. Ngành: Kỹ thuật xây dựng

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	NT15XD0100	Lê Kim	Công	01/06/1991	Phú Yên	TB Khá	NT15CXD
2	NT16XD130	Nguyễn Hoàng	Duy	08/05/1979	Hà Tĩnh	TB Khá	NT16CXD1
3	NT15XD0101	Trần Ngọc	Hạ	10/12/1990	Khánh Hòa	Khá	NT15CXD
4	NT15XD0156	Đỗ Công	Hoàng	06/01/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CXD
5	NT15XD0178	Mai Trọng	Khánh	12/02/1987	Khánh Hòa	Khá	NT15CXD
6	NT15XD0160	Phạm Đình	Kim	11/08/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CXD
7	NT15XD0162	Phan Văn	Linh	01/04/1989	ĐăkLăk	TB Khá	NT15CXD
8	NT15XD0173	Phạm Nam Đình	Trí	06/01/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CXD
9	NT15XD0175	Nguyễn Văn	Tuyên	23/11/1986	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CXD
10	NT15XD0118	Ngô Minh	Vương	08/08/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CXD

Danh sách gồm 10 sinh viên.

(Chữ ký)

ngành: Kế toán

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	12DN0876	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/07/1982	Khánh Hòa	TB Khá	NT12TDN3
2	12DN0746	Bùi Thị Mai	Ca	24/04/1990	Đắk Lắk	TB Khá	NT12TDN4
3	12DN0744	Phan Thị	Bảo	09/03/1990	Khánh Hòa	TB Khá	NT12TDN4
4	12DN0124	Nguyễn Thị Mỹ	Anh	20/10/1990	Khánh Hòa	Trung bình	NT12TDN2
5	13DN0690	Trần Thị Lan	Anh	20/03/1986	Đắk Nông	TB Khá	NT13DN3
6	13DN0697	Lê Nguyễn Thùy	Dung	24/03/1986	Khánh Hòa	TB Khá	NT13DN3
7	14DN1077	Nguyễn Thành	Phượng	29/10/1993	Khánh Hòa	Trung bình	NT14CDN2
8	14DN1048	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	19/06/1992	Khánh Hòa	Trung bình	NT14TDN21
9	14DN1047	Nguyễn Thị Kiều	Hoanh	13/11/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT14TDN21
10	14DN1049	Lê Thị Duyên	Kiều	13/05/1991	Khánh Hòa	Trung bình	NT14TDN21
11	14DN1054	Nguyễn Thị Thanh	Phượng	16/06/1990	Phú Yên	TB Khá	NT14TDN21
12	14DN1055	Lê Thị Như	Quỳnh	03/02/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT14TDN21
13	14DN1057	Nguyễn Kiều Mai	Thảo	04/11/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT14TDN21
14	14DN0256	Hồ Thị Thu	Hoài	28/07/1989	Khánh Hòa	Trung bình	NT14TDN1
15	14DN0260	Võ Thị Yến	Lâm	26/07/1990	Khánh Hòa	TB Khá	NT14TDN1
16	14DN0303	Đặng Thị Bảo	Yến	01/04/1989	Bình Định	TB Khá	NT14TDN1
17	20140015	Lê Huỳnh Thị Kim	Hằng	19/06/1989	Quảng Nam	TB Khá	NT14B2DN1
18	15DN0200	Nguyễn Lê Ngọc	Điểm	03/12/1993	Khánh Hòa	TB Khá	NT15TDN1
19	15DN0215	Nguyễn Thị Kim	Liên	13/12/1993	Khánh Hòa	TB Khá	NT15TDN1
20	15DN0214	Lê Nguyễn Thùy	Liên	17/11/1992	Khánh Hòa	Trung bình	NT15TDN1
21	15DN0202	Trần Ngọc Hoài	Linh	16/10/1988	Khánh Hòa	TB Khá	NT15TDN1
22	15DN0197	Lê Mỹ	Ngọc	15/05/1991	Khánh Hòa	TB Khá	NT15TDN1
23	15DN0207	Bùi Thị Bích	Thảo	20/03/1992	Khánh Hòa	Khá	NT15TDN1
24	15DN0208	Phượng Tiểu	Thư	06/05/1993	Khánh Hòa	TB Khá	NT15TDN1
25	15DN0222	Lê Thành	Thịnh	06/06/1993	Khánh Hòa	Khá	NT15TDN1
26	15DN0219	Trần Thị Thanh	Thúy	05/10/1993	Khánh Hòa	TB Khá	NT15TDN1
27	15DN0223	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	30/10/1993	Khánh Hòa	TB Khá	NT15TDN1
28	15DN0213	Nguyễn Thị Thanh	Trình	11/08/1991	Khánh Hòa	TB Khá	NT15TDN1
29	15DN0212	Nguyễn Phi	Vân	08/01/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT15TDN1
30	15DN0203	Nguyễn Thị Mỹ	Vân	26/09/1994	Khánh Hòa	TB Khá	NT15TDN1
31	NT15DN2127	Phan Nguyễn Nhị Nhị	Quê	10/05/1992	Khánh Hòa	Khá	NT15CDN3
32	NT15DN2148	Đặng Thị Thanh	Thủy	15/03/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CDN3
33	NT15DN2152	Phan Thị Thùy	Trang	01/01/1989	Khánh Hòa	Trung bình	NT15CDN3
34	NT15DN2162	Hà Anh	Tuấn	18/06/1994	Đắk Lắk	Trung bình	NT15CDN3
35	NT15DN2061	Võ Thị Mỹ	Duyên	15/06/1994	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CDN2
36	NT15DN2067	Nguyễn Thị Như	Hà	03/12/1991	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CDN2
37	NT15DN2073	Trần Thị Thu	Hiền	20/10/1993	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CDN2
38	NT15DN2083	Nguyễn Thị Điểm	Hương	28/11/1994	Khánh Hòa	TB Khá	NT15CDN2
39	NT15DN2088	Lê Thị	Lệ	15/03/1994	Phú Yên	TB Khá	NT15CDN2
40	15DN0267	Đinh Thị Oanh	Oanh	16/06/1991	Khánh Hòa	Trung bình	NT15CDN1
41	15DN0252	Lê Phan Khánh	Hà	15/10/1991	Khánh Hòa	Trung bình	NT15CDN1
42	20150014	Mỹ Thị	Dung	06/10/1990	Thanh Hóa	TB Khá	NT15B2DN1
43	16DN0165	Trương Thị Hoàng	Anh	27/10/1991	Quảng Ngãi	TB Khá	QN16CDN
44	16DN0160	Trần Thị Ngọc	Ánh	06/06/1986	Quảng Ngãi	TB Khá	QN16CDN
45	16DN0101	Tạ Thị Ngọc	Ảnh	01/04/1989	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
46	16DN0102	Từ Lê Thanh	Bạch	10/02/1994	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN

ruk

	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
47	16DN0103	Trương Quang Thái	Bảo	29/10/1993	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
48	16DN0138	Nguyễn Thị	Bóng	20/10/1987	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
49	16DN0105	Nguyễn Hữu	Đặc	26/05/1987	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
50	16DN0106	Trương Thị Minh	Đạo	16/11/1990	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
51	16DN0139	Lương Thành	Đức	16/09/1992	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
52	16DN0140	Trần Thị Thúy	Hằng	01/09/1983	Hà Tĩnh	Khá	QN16CDN
53	16DN0107	Nguyễn Phạm Minh	Hiếu	21/09/1989	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
54	16DN0108	Trương Thị	Hồng	10/12/1984	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
55	16DN0159	Lê Kim	Hoàng	28/08/1990	Bình Định	Khá	QN16CDN
56	16DN0109	Huỳnh Thị Bích	Huệ	16/04/1992	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
57	16DN0157	Bùi Mạnh	Huy	22/09/1982	TP. Hồ Chí Minh	Khá	QN16CDN
58	16DN0142	Lâm Thị Thúy	Lan	04/01/1985	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
59	16DN0141	Phạm Thị Tố	Lan	02/06/1992	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
60	16DN0111	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	12/11/1991	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
61	16DN0110	Nguyễn Tấn	Linh	20/06/1989	Quảng Ngãi	TB Khá	QN16CDN
62	16DN0112	Võ Phương	Loan	20/04/1981	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
63	16DN0113	Nguyễn Tấn	Lực	10/07/1992	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
64	16DN0161	Nguyễn Thị	Lợi	27/08/1987	Quảng Ngãi	TB Khá	QN16CDN
65	16DN0133	Võ Minh	Luân	05/09/1989	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
66	16DN0143	Lê Thị Diệu	My	20/02/1991	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
67	16DN0114	Lê Li	Na	19/01/1980	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
68	16DN0144	Lê Thị Phương	Nga	12/06/1992	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
69	16DN0145	Nguyễn Thị Phương	Nhã	03/03/1986	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
70	16DN0116	Đoàn Thị Thanh	Nhàn	07/07/1980	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
71	16DN0117	Lê Thị	Như	05/01/1991	Quảng Ngãi	TB Khá	QN16CDN
72	16DN0146	Nguyễn Thị Kim	Phi	12/03/1993	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
73	16DN0118	Ao Trường	Phi	10/07/1989	Vũng Tàu	Khá	QN16CDN
74	16DN0120	Võ Thanh	Phượng	10/06/1983	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
75	16DN0119	Trần Thị Anh	Phước	20/12/1989	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
76	16DN0147	Lê Thị	Phúc	20/11/1988	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
77	16DN0134	Võ Kim	Phúc	08/12/1987	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
78	16DN0164	Phạm Thanh	Sang	22/06/1994	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
79	16DN0148	Huỳnh Thị	Sương	16/02/1984	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
80	16DN0122	Phạm Văn	Tân	02/04/1979	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
81	16DN0121	Phạm Thị	Tài	18/04/1992	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
82	16DN0150	Võ Thị	Thắm	06/08/1986	Nghệ An	Khá	QN16CDN
83	16DN0123	Nguyễn Đình Minh	Thành	24/02/1994	Quảng Ngãi	TB Khá	QN16CDN
84	16DN0158	Ngô Vũ Đoàn	Thông	10/09/1991	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
85	16DN0124	Mai Thị	Thịnh	05/04/1988	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
86	16DN0151	Nguyễn Thị Lệ	Thu	02/03/1992	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
87	16DN0125	Lương Thị Mỹ	Thuận	21/06/1990	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
88	16DN0126	Võ Duy Thu	Thúy	24/09/1990	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
89	16DN0136	Phạm Nguyễn Thị Thanh	Thủy	02/08/1983	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
90	16DN0154	Nguyễn Hoàng Diễm	Trâm	01/01/1985	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
91	16DN0152	Võ Thị	Trang	06/10/1983	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
92	16DN0137	Nguyễn Thị Thùy	Trang	11/02/1989	Quảng Ngãi	TB Khá	QN16CDN
93	16DN0127	Lê Thị Thanh	Trà	09/08/1990	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
94	16DN0155	Đào Thị Tuyết	Trình	02/02/1993	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
95	16DN0163	Nguyễn Thị Thanh	Tùng	20/02/1985	Quảng Ngãi	TB Khá	QN16CDN
96	16DN0128	Bùi Thanh	Tú	08/09/1989	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN

ruh

	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
97	16DN0149	Trần Thị Thanh	Tuyến	20/08/1993	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
98	16DN0135	Bùi Thị	Tuyết	20/08/1987	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
99	16DN0129	Dương Thị	Viên	02/02/1989	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
100	16DN0130	Hồ Thiên	Vương	14/08/1989	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
101	16DN0156	Ngô Văn	Vũ	04/09/1990	Quảng Ngãi	Khá	QN16CDN
102	NT16DN0150	Nguyễn Thị Hoàng	An	07/03/1993	Khánh Hòa	Trung bình	NT16CDN1
103	NT16DN0103	Huỳnh Tấn	Chương	06/09/1988	Khánh Hòa	Trung bình	NT16CDN1
104	NT16DN0122	Huỳnh Thiên	Ngân	13/10/1993	Khánh Hòa	Trung bình	NT16CDN1
105	NT16DN0123	Nguyễn Du Phương	Ngọc	21/08/1985	Khánh Hòa	TB Khá	NT16CDN1
106	NT16DN0128	Vương Nữ Thục	Oanh	18/07/1990	Khánh Hòa	TB Khá	NT16CDN1
107	NT16DN0131	Huỳnh Nam	Phượng	06/08/1993	Khánh Hòa	Trung bình	NT16CDN1
108	NT16DN0134	Lê Hồng	Quyên	25/09/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT16CDN1
109	16DN0601	Nguyễn Thị Tú	Anh	14/08/1993	TT. Huế	TB Khá	NT16CDN2
110	16DN0608	Phạm Thị	Hằng	18/07/1993	Nam Định	TB Khá	NT16CDN2
111	16DN0607	Ngô Thị Mỹ	Hằng	20/01/1995	Khánh Hòa	TB Khá	NT16CDN2
112	16DN0617	Nguyễn Thị	Loan	01/10/1994	Quảng Trị	TB Khá	NT16CDN2
113	16DN0622	Phan Nguyễn Bảo	Ngọc	21/09/1993	Khánh Hòa	Khá	NT16CDN2
114	16DN0623	Nguyễn Quỳnh	Nhung	18/08/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT16CDN2
115	16DN0624	Huỳnh Kim	Phụng	19/03/1995	Khánh Hòa	TB Khá	NT16CDN2
116	16DN0626	Ngô Đức Khánh	Sơn	12/03/1994	Ninh Thuận	TB Khá	NT16CDN2
117	16DN0633	Lê Huyền	Thư	30/05/1990	Khánh Hòa	TB Khá	NT16CDN2
118	16DN0634	Hoàng Hồ Thủy	Tiên	02/10/1995	Thanh Hóa	TB Khá	NT16CDN2
119	16DN0639	Cù Dạ Thảo	Uyên	21/09/1994	Khánh Hòa	Khá	NT16CDN2

Danh sách gồm 119 sinh viên.

6. Ngành: Nuôi trồng thủy sản

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	17NT0201	Trần Phương	Cảnh	16/04/1995	Bình Thuận	TB Khá	NT17CNT
2	17NT0224	Nguy Thiện	Chí	03/10/1996	Ninh Thuận	TB Khá	NT17CNT
3	17NT0218	Nguyễn Phước	Định	01/09/1996	Quảng Ngãi	TB Khá	NT17CNT
4	17NT0208	Trần Duy	Đức	03/08/1996	Phú Yên	TB Khá	NT17CNT
5	17NT0211	Trần Vũ	Hảo	26/03/1995	Cà Mau	TB Khá	NT17CNT
6	17NT0204	Nguyễn Đức	Hiếu	02/06/1996	Khánh Hòa	TB Khá	NT17CNT
7	17NT0209	Hồ Thị Mỹ	Linh	04/12/1996	Phú Yên	Khá	NT17CNT
8	17NT0220	Trần Thị	Long	20/11/1984	Hà Tĩnh	Khá	NT17CNT
9	17NT0202	Đoàn Sông	Nhân	25/12/1996	Quảng Trị	TB Khá	NT17CNT
10	17NT0207	Phan Thị Hoài	Nhi	24/10/1996	ĐăkLăk	Giỏi	NT17CNT
11	17NT0205	Nguyễn Thị	Sang	10/02/1995	Ninh Thuận	Khá	NT17CNT
12	17NT0221	Trần Ngọc	Tài	20/08/1995	Bình Định	Khá	NT17CNT
13	17NT0206	Nguyễn Thanh	Thịnh	24/12/1996	Ninh Thuận	Khá	NT17CNT
14	17NT0216	Lê Thị Phượng	Uyên	03/09/1996	Phú Yên	Khá	NT17CNT

Danh sách gồm 14 sinh viên.

7. Ngành: Ngôn ngữ Anh

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	NT16B20161	Lê Thị Kim	Anh	01/01/1993	Phú Yên	TB Khá	NT16B2TA1
2	NT16B20143	Bùi Việt	Đức	30/10/1978	ĐăkLăk	TB Khá	NT16B2TA1
3	NT16B20137	Trần Thị Hồng	Hạnh	05/12/1991	Khánh Hòa	Khá	NT16B2TA1
4	NT16B20147	Lương Thanh	Hà	19/10/1989	Khánh Hòa	Khá	NT16B2TA1
5	NT16B20174	Võ Minh	Hồng	05/02/1984	Khánh Hòa	Khá	NT16B2TA1
6	NT16B20153	Nguyễn Thái	Hoàng	17/07/1990	Khánh Hòa	Khá	NT16B2TA1
7	NT16B20176	Nguyễn Thị Kim	Liên	09/07/1992	Khánh Hòa	Khá	NT16B2TA1

nh

	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
8	NT16B20121	Nguyễn Thị	Liên	16/07/1988	Ninh Bình	Khá	NT16B2TA1
9	NT16B20108	Lê Thị Hà	My	24/11/1993	Thanh Hóa	Khá	NT16B2TA1
10	NT16B20177	Dương	Nghĩa	20/07/1988	Hà Tĩnh	TB Khá	NT16B2TA1
11	NT16B20122	Đinh Hoàng Mỹ	Ngọc	06/09/1991	TP. Hồ Chí Minh	TB Khá	NT16B2TA1
12	NT16B20105	Trần Quốc	Phượng	09/11/1988	Khánh Hòa	Khá	NT16B2TA1
13	NT16B20150	Vũ Vinh	Quang	29/10/1991	Khánh Hòa	TB Khá	NT16B2TA1
14	NT16B20142	Đinh Duy	Sang	13/02/1989	Đắk Lắk	TB Khá	NT16B2TA1
15	NT16B20163	Trịnh Thăng Tuấn	Sơn	14/05/1990	Thanh Hóa	Khá	NT16B2TA1
16	NT16B20180	Vũ Như	Tân	04/07/1986	Thái Bình	Khá	NT16B2TA1
17	NT16B20102	Phạm Thị Thanh	Thoa	08/03/1993	Khánh Hòa	Khá	NT16B2TA1
18	NT16B20113	Hồ Diễm	Thúy	11/11/1988	Quảng Trị	TB Khá	NT16B2TA1
19	20150102	Trần Thị Bảo	Tiên	28/12/1981	Quảng Nam	Khá	NT16B2TA1
20	20150160	Nguyễn Đình	Toàn	24/10/1984	Khánh Hòa	Khá	NT16B2TA1
21	NT16B20164	Nguyễn Văn	Tử	04/11/1990	Quảng Bình	Khá	NT16B2TA1
22	NT16B20173	Đỗ Minh Ngọc	Trần	26/10/1988	Khánh Hòa	Khá	NT16B2TA1
23	NT16B20156	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	27/03/1991	Long An	Khá	NT16B2TA1
24	NT16B20117	Bùi Minh	Trang	10/11/1987	Khánh Hòa	TB Khá	NT16B2TA1
25	NT16B20101	Nguyễn Thị	Trìu	20/10/1982	Phú Thọ	Giỏi	NT16B2TA1
26	NT16B20119	Huỳnh Đỗ Bảo	Uyên	08/11/1989	Khánh Hòa	Khá	NT16B2TA1

Danh sách gồm 26 sinh viên.

8. Ngành: Quản trị kinh doanh

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	16QT0134	Nguyễn Đình	Duy	11/05/1994	Khánh Hòa	TB Khá	NT16CQT
2	16QT0103	Võ Thị Bích	Hân	02/02/1995	Khánh Hòa	TB Khá	NT16CQT
3	16QT0104	Lê Khánh	Hòa	28/04/1994	Đắk Nông	TB Khá	NT16CQT
4	16QT0112	Trương Thị Mỹ	Linh	10/02/1995	Khánh Hòa	TB Khá	NT16CQT
5	16QT0117	Bùi Quang Lam	Phượng	28/10/1993	Khánh Hòa	Khá	NT16CQT
6	16QT0119	Đào Trần	Quyển	17/06/1993	Phú Yên	TB Khá	NT16CQT
7	16QT0121	Mai Văn	Thật	01/11/1990	Thanh Hóa	TB Khá	NT16CQT
8	16QT0125	Phạm Thị Thanh	Trà	22/02/1990	Đồng Nai	Khá	NT16CQT
9	16QT0108	Trần Thị Ngọc	Truyền	17/08/1995	Bình Định	Khá	NT16CQT

Danh sách gồm 09 sinh viên.

ruk